

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

– **Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Bà Trần Thị Hiền**

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Huỳnh Thị Thanh Thảo.

2/ Ông Huỳnh Tiến Dũng.

– **Thư ký phiên tòa:** Ông Bùi Ngọc Hoàng Long – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh.

– **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 02 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường, vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 921/2025/TLST-HNGĐ ngày 22/10/2025 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 5046/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 485/2026/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2026 giữa:

– **Nguyên đơn:** Bà **Phan Thị Ánh T**, sinh năm 1979; Địa chỉ: J, Khu phố 29 (trước đây là Khu phố 5), phường Phước Long, Thành phố Hồ Chí Minh.

– **Bị đơn:** Ông **Nguyễn Văn K**, sinh năm 1976; Địa chỉ: J, Khu phố 29 (trước đây là Khu phố 5), phường Phước Long, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Bà T có đơn xin vắng mặt, ông K vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Phan Thị Ánh T trình bày như sau:

Bà và ông Nguyễn Văn K quen biết, tìm hiểu nhau và tự nguyện kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 01 quyển số 01 do Ủy ban nhân dân phường Phước Long A, Quận 9 (nay là phường Phước Long) Thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký ngày 12/01/2005.

Sau khi kết hôn, vợ chồng bà sống hòa hợp, hạnh phúc đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn do không hòa hợp về lối sống, quan điểm dẫn đến cuộc sống chung không tốt cho vợ chồng bà và con chung. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Cả hai vợ chồng đã cố gắng khắc phục mâu thuẫn để hàn gắn tình cảm nhưng không được. Nay tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn K để có điều kiện ổn định cuộc sống.

Bị đơn ông Nguyễn Văn K không hợp tác trong quá trình tố tụng tại Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại phiên tòa:

Bà Phan Thị Ánh T có đơn xin vắng mặt nên không có lời trình bày tại phiên tòa.

Ông Nguyễn Văn K vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

– Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

– Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc ly hôn là có căn cứ. Do đó, đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho bà Phan Thị Ánh T được ly hôn với ông Nguyễn Văn K. Đối với con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao trẻ Nguyễn Vũ Bình A, sinh ngày 01/3/2012 cho bà Phan Thị Ánh T trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Bà T không yêu cầu ông Nguyễn Văn K cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Bà T khai không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị Ánh T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn K. Đây là vụ án hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do bị đơn ông Nguyễn Văn K hiện đang cư trú tại phường Phước Long, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ theo khoản 2 Điều 1 Luật 85/2025/QH15 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải đối thoại (có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2025), điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 5 Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân (có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2025) thì tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2] Về việc vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn bà Phan Thị Ánh T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn ông Nguyễn Văn K vắng mặt không lý do dù đã được Tòa án triệu tập đúng theo quy định tại Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử

[2.2] Về con chung: Quá trình sống chung, bà Phan Thị Ánh T và ông Nguyễn Văn K có 02 con chung là Nguyễn Vũ H, sinh ngày 17/6/2006 đã trưởng thành và trẻ Nguyễn Vũ Bình A, sinh ngày 01/3/2012.

+ Đối với con chung tên Nguyễn Vũ H, sinh ngày 17/6/2006 đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Đối với con chung tên Nguyễn Vũ Bình A, sinh ngày 01/3/2012, bà T yêu cầu được nuôi dưỡng, không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy: Hiện nay trẻ Nguyễn Vũ Bình A đang ở cùng bà T. Bà T có nguyện vọng được nuôi con chung. Trẻ Nguyễn Vũ Bình A cũng có nguyện vọng ở với bà T trong trường hợp Tòa án giải quyết cho ông K và bà T ly hôn. Do đó để tránh làm xáo trộn cuộc sống ổn định của trẻ, Hội đồng xét xử giao con chung tên Nguyễn Vũ Bình A, sinh ngày 01/3/2012 cho bà Phan Thị Ánh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là có căn cứ, phù hợp với các quy định tại Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Phan Thị Ánh T không yêu cầu ông Nguyễn Văn K cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy đây là sự tự nguyện của bà T không trái luật, đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.4] Về tài sản chung: Bà T khai các bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[2.5] Về nợ chung: Bà T khai không có.

[3] Về án phí, chi phí tố tụng khác:

[3.1] Án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Phan Thị Ánh T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng, trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0028866 ngày 21 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Phan Thị Ánh T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

[3.2] Chi phí tố tụng khác: Không có.

Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp với tài liệu chứng cứ cũng như quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

[4] Về quyền kháng cáo: Căn cứ khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thời hạn kháng cáo là 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị Ánh T.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị Ánh T được ly hôn với ông Nguyễn Văn K.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 01 quyển số 01 do Ủy ban nhân dân phường Phước Long A, Quận 9 (nay là phường Phước Long) Thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký ngày 12/01/2005 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật).

1.2. Về con chung:

Quá trình sống chung, bà Phan Thị Ánh T và ông Nguyễn Văn K có 02 con chung là Nguyễn Vũ H, sinh ngày 17/6/2006 đã trưởng thành và trẻ Nguyễn Vũ Bình A, sinh ngày 01/3/2012.

Giao con chung tên Nguyễn Vũ Bình A, sinh ngày 01/3/2012 cho bà Phan Thị Ánh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Bà Phan Thị Ánh T không yêu cầu ông Nguyễn Văn K cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Văn K được quyền đến thăm, chăm sóc và giáo dục các con chung. Vì quyền lợi của các con chung, khi cần thiết một trong hai bên đều có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Cha, mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau, cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi, có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án xem xét.

1.4. Nợ chung: Không có.

2. Án phí, chi phí tố tụng khác:

2.1. Về án phí: Bà Phan Thị Ánh T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0028866 ngày 21 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Phan Thị Ánh T đã nộp đủ án phí sơ thẩm